

Bản án số: 46/2024/HSST

Ngày 02/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Chuẩn, Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2024/TLST-HS ngày 10/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 19/7/2024 đối với bị cáo:

Đỗ Văn Đ sinh năm 1984; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Đ và bà Hoàng Thị H; vợ Hoàng Thị D và có 01 con; tiền sự không; tiền án không. Lịch sử bản thân năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thanh T sinh năm 1985; địa chỉ xóm 7, xã K, huyện Y, Ninh Bình; vắng mặt.

Người làm chứng: - Chị Cù Thị T1 sinh năm 1975; vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Thanh T2 sinh năm 1986; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đ và anh T có quen biết nhau. Đầu tháng 02/2023 anh T đến nhà Đ vay 30.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và thống nhất trả tiền lãi sau mỗi tháng (30 ngày). Sau đó khoảng 20 ngày anh T vay thêm của Đ số tiền 10.000.000 đồng nhưng không tính lãi. Ngày 17/4/2023 anh T tiếp tục vay thêm của Đ 80.000.000 đồng; cộng với số tiền của 02 lần vay trước thành tổng số tiền vay là 120.000.000 đồng, Đ yêu cầu anh T viết giấy

mượn tiền thể hiện anh T vay của Đ số tiền 120.000.000 đồng không có lãi để tránh bị xử lý trước pháp luật, nhưng trên thực tế Đ và anh T thống nhất mức lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày và cứ 10 ngày anh T phải trả tiền lãi một lần. Từ tháng 02/2023 đến tháng 8/2023 anh T đã nhiều lần trả tiền lãi cho Đ bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng số 4880650738 mở tại Ngân hàng tT2 mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) vào tài khoản 3306205151309 mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) và số tài khoản 0981828235 mở tại Ngân hàng tT2 mại cổ phần Quân đội (MBBank) của Đ, cụ thể.

Đối với khoản vay 30.000.000 đồng: Đ đã thu tiền lãi 02 tháng 17 ngày.

- Ngày 03/3/2023 anh T chuyển khoản cho Đ 4.500.000 đồng đến tài khoản số 3306205151309 (Agribank) trả tiền lãi tháng 02/2023.

- Ngày 30/3/2023 anh T chuyển khoản cho Đ 4.500.000 đồng đến tài khoản số 3306205151309 (Agribank) trả tiền lãi tháng 03/2023.

- Ngày 30/4/2023 anh T chuyển khoản cho Đ 10.000.000 đồng đến tài khoản số 3306205151309 (Agribank). Trong đó có 2.550.000 đồng tiền lãi 17 ngày khoản vay 30.000.000 đồng từ ngày 31/3/2023 đến ngày 17/4/2023 còn 7.800.000 đồng là tiền lãi 13 ngày khoản vay 120.000.000 đồng (sau khi đã cộng gộp các khoản vay trước), tính từ 17/4/2023 đến 30/4/2023 tổng tiền lãi là 10.350.000 đồng nhưng Đ lấy tròn 10.000.000 đồng và cho anh T số tiền 350.000 đồng (tính vào tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng). Như vậy số tiền lãi 17 ngày đã thu của khoản vay 30.000.000 đồng là 2.200.000 đồng.

Tổng số tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng là: $4.500.000 + 4.500.000 + 2.200.000 = 11.200.000$ đồng.

- Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay 30.000.000 đồng là: $(20\% : 365) \times 77 \times 30.000.000 = 1.265.753$ đồng.

- Số tiền lãi thu lời bất chính của Đ đối với khoản vay 30.000.000 đồng là: $11.200.000 - 1.265.753 = 9.934.247$ đồng.

Đối với khoản vay 120.000.000 đồng: Đ đã thu tiền lãi 73 ngày

- Ngày 30/4/2023 anh T chuyển khoản cho Đ 10.000.000 đồng đến tài khoản số 3306205151309 (Agribank). Trong đó có 2.550.000 đồng tiền lãi 17 ngày của khoản vay 30.000.000 đồng tính từ ngày 31/3/2023 đến ngày 17/4/2023 và 7.800.000 đồng tiền lãi 13 ngày của khoản vay 120.000.000 đồng tính từ 17/4/2023 đến 30/4/2023.

- Ngày 10/6/2023 anh T chuyển khoản cho Đ 4.000.000 đồng và ngày 13/6/2023 chuyển khoản 2.000.000 đồng đến số tài khoản 0981828235 (MBBank); tổng là 6.000.000 đồng (10 ngày lãi).

- Ngày 21/6/2023 anh T chuyển khoản cho Đ 6.000.000 đồng đến số tài khoản 0981828235 (MBBank) tiền lãi 10 ngày của khoản vay 120.000.000 đồng.

- Ngày 02/7/2023 anh T chuyển khoản cho Đ 6.000.000 đồng đến số tài khoản 0981828235 (MBBank) tiền lãi 10 ngày của khoản vay 120.000.000 đồng.

- Ngày 10/7/2023 anh T chuyển khoản cho Đ 6.000.000 đồng đến số tài

khoản 0981828235 (MBBank) tiền lãi 10 ngày của khoản vay 120.000.000 đồng.

- Ngày 22/7/2023 anh T chuyển khoản cho Đ 6.000.000 đồng đến số tài khoản 0981828235 (MBBank) tiền lãi 10 ngày của khoản vay 120.000.000 đồng.

- Ngày 03/8/2023 Đ dẫn anh T đến nhà chị T1 hỏi vay tiền. Đến nơi Đ bảo anh T để chiếc xe mô tô của anh T lại để vay tiền, anh T đưa xe và đợi ở ngoài còn Đ vào vay của chị T1 8.000.000 đồng và gửi lại chiếc xe mô tô của anh T. Sau đó chị T1 chuyển khoản cho Đ vay 8.000.000 đồng, Đ giữ lại 6.000.000 đồng tiền lãi anh T nợ, trừ 1.000.000 đồng T vay Đ ngày 28/7/2023 và trả lại cho T 1.000.000 đồng. Số tiền 8.000.000 đồng Đ đã trả lại luôn cho chị T1 và lấy xe mô tô anh T về. Do đó trên thực tế Đ cho anh T vay thêm 8.000.000 đồng. Đối với khoản vay 8.000.000 đồng này, Đ thu lãi 500.000 đồng trong 19 ngày từ ngày 03/8/2023 đến ngày 22/8/2023, tương ứng lãi suất 120,1%/năm, gấp 6,005 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Số tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay 8.000.000 đồng ngày 03/8/2024 là 500.000 đồng - $(20\% : 365) \times 19 \times 8.000.000đ = 416.712$ đồng.

Số tiền lãi đã thu của khoản vay 120.000.000 đồng là: 7.800.000 đồng + 4.000.000 đồng + 2.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 6.000.000 đồng = 43.800.000 đồng.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự đối với khoản vay 120.000.000 đồng là: $(20\% : 365) \times 73 \times 120.000.000 = 4.800.000$ đồng.

Số tiền thu lời bất chính đối với khoản vay 120.000.000 đồng là: 43.800.000 - 4.800.000 = 39.000.000 đồng.

Tổng tiền thu lời bất chính của các khoản vay Đ đã thu của anh T là: 9.934.247 đồng + 39.000.000 đồng + 416.712 đồng = 49.350.959 đồng.

Cũng trong ngày 03/8/2023 Đ chốt số tiền vay của anh T không tính lãi, chỉ yêu cầu T trả tiền gốc. Hiện tại anh T đã trả cho Đ 65.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ số tiền gốc là 55.000.000 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 03/8/2023 tổng số tiền Đ cho anh T vay là 128.000.000 đồng. Tiền lãi đã nhận là 55.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả tối đa theo quy định của pháp luật là 6.149.041 đồng. Số tiền thu lời bất chính là 49.350.959 đồng. Anh T đã trả cho Đ 73.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 55.000.000 đồng.

Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 09/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đ như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt tiền bị cáo từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Đỗ Văn Đ phải nộp lại tổng số tiền 79.149.041 đồng; buộc anh Nguyễn Thanh T phải nộp lại 55.000.000 đồng, sung ngân sách Nhà nước.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị xét xử nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Đ khai nhận toàn bộ số tiền gốc mà Đ cho anh T vay là 128.000.000 đồng; với lãi vay là 5.000 đồng/triệu/ngày; tổng số tiền gốc Đ đã nhận về là 73.000.000 đồng, anh T còn nợ lại tiền gốc là 55.000.000 đồng; anh T đã trả tổng số tiền lãi là 55.500.000 đồng, số tiền lãi thu lời bất chính Đ đã trả lại cho anh T là 49.500.000 đồng. Nói lời sau cùng bị cáo Đ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, hành vi của bị cáo và tài liệu đã thu giữ; nên có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến tháng 8/2023 Đ cho anh T vay 03 lần với tổng số tiền là 120.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và 01 lần vay với số tiền là 8.000.000 đồng với lãi suất là 120,1%/năm, gấp 6,005 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự; tổng số tiền lãi mà anh T đã trả cho Đ là 55.500.000 đồng. Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất cho vay “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”. Như vậy số tiền lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm là 6.149.041 đồng; số tiền thu lời bất chính là 49.350.959 đồng.

Hành vi cho vay với lãi suất gấp trên 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, đã thu lời bất chính với số tiền là 49.350.959 đồng của bị cáo Đ là trái pháp luật; đã xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước về lãi suất cho vay, hành vi của bị cáo Đ đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Đ về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng. Về giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện trả lại số tiền thu lời bất chính cho người liên quan” theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Từ những tình tiết nêu trên, thấy rằng: Căn cứ vào tình chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và số tiền thu lời bất chính; cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với pháp luật. Bị cáo Đ có 02 tình tiết giảm nhẹ, nên giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà bị cáo được hưởng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền lãi vượt quá 20%/năm mà Đ đã nhận của anh T là 49.350.959 đồng, Đ đã hoàn lại cho anh T; anh T không có yêu cầu gì thêm, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về biện pháp tư pháp:

- Toàn bộ số tiền của Đ cho anh T vay là 128.000.000 đồng; số tiền này Đ sử dụng vào việc phạm tội; Đ đã nhận về là 73.000.000 đồng và 55.000.000 đồng anh T chưa trả lại cho Đ, nên buộc Đ và anh T phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm bị cáo Đ đã nhận của anh T là 6.149.041 đồng; do liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đ, nên buộc bị cáo Đ phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người liên quan, người làm chứng đều không có khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo Đ bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Đỗ Văn Đ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Đỗ Văn Đ phải nộp lại số tiền cho anh T vay đã nhận về là 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng) và số tiền lãi theo mức lãi suất là 20%/năm bị cáo Đ đã nhận của anh T là 6.149.041 đồng (sáu triệu một trăm bốn chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng); tổng cộng là 79.149.041 đồng (bảy mươi chín triệu một trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Thanh T phải nộp lại số tiền vay của Đ chưa trả là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo; Người liên quan
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực